TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 10/9/2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sơn Hải và ông Lê Trung Thiêng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1983,

- Bị đơn: Ông Võ Đức T1, sinh năm 1974,

Cùng địa chỉ: thôn TX, xã DT, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T1 thường xuyên rượu chè về gây gỗ đánh đập vợ con, bà đã nộp đơn tại Toà án rất nhiều lần rồi, ông T1 hứa sẽ thay đổi bản thân nhưng vẫn không làm được. Trong thời gian gần đây, chồng bà còn ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng chung sống không hợp nhau. Do đó, bà yêu cầu Toà án cho bà được ly hôn với ông Võ Đức T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Văn Quốc Tuấn, sinh ngày 17/8/2003, Võ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 08/3/2005 và Võ Thị Tường Vy, sinh ngày 25/02/2015. Cháu Tuấn và cháu Tuyền đã trưởng thành nên bà không yêu cầu

Toà án giải quyết. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi cháu Vy, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Đức T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như vợ ông trình bày là đúng. Nguyên nhân do ông uống rượu vào là gây gỗ, đánh đập vợ con, ông biết bà sai trái, mong bà T cho thêm cơ hội để ông sửa sai. Mỗi lần ông uống rượu vào là không thể kiểm soát được bản thân và không thể nhớ được mọi chuyện. Vợ ông là người có trách nhiệm, rất lo cho gia đình. Vợ chồng tạm thời sống ly thân, ông lo đi làm đi ăn kiếm tiền lo cho con cái ăn học. Ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Văn Quốc Tuấn, sinh ngày 17/8/2003, Võ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 08/3/2005 và Võ Thị Tường Vy, sinh ngày 25/02/2015. Cháu Tuấn và cháu Tuyền đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu phải ly hôn, ông đồng ý giao cháu Vy cho vợ nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T1, về con chung: giao con chung tên Võ Thị Tường Vy, sinh ngày 25/02/2015 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Hai con chung tên Võ Văn Quốc Tuấn, sinh ngày 17/8/2003, Võ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 08/3/2005 đã trưởng thành, bà T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện, bản tự khai của bà T.

- Trích lục kết hôn (bản sao), Giấy khai sinh (bản sao), Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính), Căn cước công dân (bản sao).

- Văn bản trình bày ý kiến của ông T1.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

Về con chung: Các bên thống nhất giao cháu Võ Thị Tường Vy cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:

Bà Trần Thị Thanh T yêu cầu ly hôn. Ông Võ Đức T1 không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn là ông Võ Đức T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS Tòa án T1 hành xét xử vắng mặt bị đơn Võ Đức T1 là đúng pháp luật .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Đức T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT vào năm 2002 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được các bên xác định là do ông T1 thường xuyên rượu chè về gây gỗ đánh đập vợ con.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Đức T1 không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cải thiện đời sống chung của vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không quan T đến nhau, phần ai nấy sống. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn của mình. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Đức T1 đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung tên Võ Văn Quốc Tuấn, sinh ngày 17/8/2003, Võ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 08/3/2005 và Võ Thị Tường Vy, sinh ngày 25/02/2015. Hai cháu Võ Văn Quốc Tuấn, sinh ngày 17/8/2003, Võ Thị Thanh Tuyền, sinh ngày 08/3/2005 đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi cháu Vy và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Vy hiện nay đang ở với bà T, cháu Vy cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, ông T1 đồng ý giao cháu Vy cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Võ Thị Tường Vy cho bà T nuôi dưỡng là hợp lý. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";* tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T, cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Võ Đức T1.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Võ Thị Tường Vy, sinh ngày 25/02/2015 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Trần Thị Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ-ST số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Trần Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 12260 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/9/2024). Ông Võ Đức T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN – THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Sơn Hải **Lê Trung Thiêng** **Võ Thị Tám**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Duy Xuyên;
- THADS Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã DT;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Tám